

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 23 -01-2018.

V/v: “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Kim Hương;

2. Bà: Phạm Thị Như Sứy .

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 171/2017/TLST – HNGĐ ngày 25/10/2017 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị M L, sinh năm 1987. Có mặt.

Bị đơn: Anh Ph, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn NT, xã QH, huyện QS, tỉnh QN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị M L trình bày: Chị và anh Ph tổ chức xây dựng gia đình, được Ủy ban nhân dân xã QH, huyện QS cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/02/2010. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh Ph xảy ra mâu thuẫn cãi vã, không hạnh phúc. Từ năm 2011 đến nay anh Ph đi làm ăn xa, mỗi năm về nhà được vài lần. Khi anh Ph về thì lại nhậu nhẹt, đánh đập chị, anh Ph còn đánh bạc và

số đề. Hiện nay, vợ chồng không còn ở chung với nhau, quan tâm nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Chị và anh Ph có một con chung tên Ng Kh, sinh ngày 26/8/2011. Hiện nay, cháu Kh đang sinh sống với chị, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Kh, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo biên bản ghi lời khai, tại buổi hòa giải ngày 26/10/2017, bị đơn anh Ph trình bày: Anh và chị L kết hôn vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QH trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng có xảy ra cãi vã, xô xát nhưng không đáng kể, không phải là mâu thuẫn lớn. Từ năm 2013 đến nay, anh đi làm ăn xa nên vợ chồng ít chung sống, gần gũi nhau, tuy nhiên anh vẫn còn tình cảm với vợ, nên anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh và chị L có con chung tên Ng Kh, sinh ngày 26/8/2011. Nếu phải ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu Kh và không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân huyện QS:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Ph luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được tổng đạt hợp L các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Ph luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M L. Cho ly hôn giữa chị M L và anh Ph. Về con chung: Giao cháu Ng Kh, sinh ngày 26/8/2011 cho chị M L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ Ph luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị M L có quan hệ hôn nhân với anh Ph, hộ khẩu thường trú tại thôn 01, xã QH, huyện QS, tỉnh QN. Nay, chị L nộp đơn tại Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Ph. Vì vậy, quan hệ Ph luật cần giải quyết là “Tranh chấp về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện QS, tỉnh QN theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Ph tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QH, huyện QS, tỉnh QN ngày 25/02/2010 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80 (quyển số 02). Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh Ph có xảy ra cãi vã, xô xát nhau, anh Ph đi làm ăn xa ít khi về nhà, không quan tâm, chăm sóc vợ con nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 7/2016 đến nay hai vợ chồng không sống chung, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Hiện nay, chị L không còn tình cảm gì với anh Ph và cương quyết ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ph mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh Ph chỉ tham gia hòa giải một lần, anh Ph vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được tổng đạt hợp L các văn bản tố tụng. Xét thấy, hai bên có những mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp, có căn cứ theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa chị L và anh Ph có một con chung tên Ng Kh, sinh ngày 26/8/2011. Từ nhỏ đến nay cháu Kh được chị L chăm sóc. Hiện tại, cháu đang ở với mẹ và học tập tại thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh QN. Chị L hiện đang làm nhân viên cho công ty TNHH Mega Lotto Quảng Nam với mức lương cơ bản 8.000.000đồng/tháng, nên chị L đảm bảo được điều kiện nuôi con. Tại phiên hòa giải anh Ph mong muốn được nuôi dưỡng cháu Kh, nhưng anh Ph không tham gia phiên tòa để bảo vệ yêu cầu của mình. Vì vậy, để đảm bảo cho việc học tập và sự phát triển toàn diện của cháu Kh, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Kh cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị L không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về án phí: Chị M L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Ph luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, L phí;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp ly hôn” của chị M L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị M L được ly hôn với anh Ph.

2. Về con chung: Giao cháu Ng Kh, sinh ngày 26/8/2011 cho chị M L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị M L phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0006506 ngày 25/10/2017 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện QS, tỉnh QN. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp L.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QN;
- VKSND huyện QS;
- Chi cục THADS huyện QS;
- UBND xã Quế Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thọ